

Số: 103/2024/QĐST- HNGĐ

TP. Tuyên quang, ngày 25 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 80/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1991

Địa chỉ: **SN C, tổ C đường M, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.**

- Bị đơn: Anh **Trần Quang T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: **Tổ dân phố F, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.**

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Hoàng Thị H** và anh **Trần Quang T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là **Trần Khôi N**, sinh ngày 12/5/2019 và **Trần Bảo D**, sinh ngày 28/11/2021 cho chị **Hoàng Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn, anh **Trần Quang T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu thứ nhất **Trần Khôi N** cùng chị **Hoàng Thị H**, mức cấp dưỡng 3.000.000đồng (ba

triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ theo tháng, kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu **Trần Khôi N** đủ 18 tuổi.

Anh **T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Chị **Hoàng Thị H** và anh **Trần Quang T** xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng hiện không yêu cầu giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị **Hoàng Thị H** và anh **Trần Quang T** xác định vợ chồng không vay nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị **Hoàng Thị H** tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình số tiền 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu: BLTU/23 số: 0000398 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi cục **T1** hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị **Hoàng Thị H** số tiền chênh lệch là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị **H** đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh **Trần Quang T** phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND **TP . Tuyên Quang** (02 bản);
- Chi cục THADS **TP . Tuyên Quang** (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND p. Phan Thiết, **TP . Tuyên Quang** (để biết)
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

